TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - ĐỒNG NAI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 16-7-2025
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
***- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*:** Ông Trần Văn Lượng
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Tấn Lãm
Ông Trương Sáng

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn T1 - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 13 - Đồng Nai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 13-Đồng Nai tham gia phiên toà: Bà Thân Thị Hồng Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 13 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2025 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 23/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2025/QĐST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2025; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị T, sinh năm 2000;

Địa chỉ: Thôn 5, xã ĐK, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (cũ) nay là tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Ông Lê Văn T1, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Thôn 5, xã ĐK, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (cũ) nay là tỉnh Đồng Nai.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Phan Thị T trình bày: Bà và ông Lê Văn T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐK, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (nay là

xã ĐK, tỉnh Đồng Nai) ngày 26 tháng 6 năm 2018. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu Tẫn do tính tình không hợp và khác biệt về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau từ tháng 02 năm 2025 đến nay bà và ông T1 sống ly thân. Nay tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung trở nên mệt mỏi không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Lê Văn T1.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Bà và ông T1 có hai con chung là Lê Minh H, sinh ngày 07 tháng 02 năm 2018 và Lê Minh K, sinh ngày 07 tháng 8 năm 2021. Khi ly hôn bà đề nghị được nuôi cả hai người con chung; việc cấp dưỡng nuôi con bà tự thỏa Tận với ông T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Văn T1 đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông T1 không hợp tác, ông T1 vắng mặt nên không có bản lời khai.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, bị đơn đều thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về hướng giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn tự nguyện sống chung với nhau có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, sau đó phát sinh mâu Tẫn, vợ chồng không nói chuyện, chia sẻ được với nhau nên mâu Tẫn càng trầm trọng, hiện nay đã sống ly thân và nguyên đơn có nguyện vọng được ly hôn; Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho nguyên đơn được ly hôn bị đơn; giao con chung là Lê Minh Hiếu, sinh ngày 07 tháng 02 năm 2018 và Lê Minh Khang, sinh ngày 07 tháng 8 năm 2021 cho nguyên đơn nuôi dưỡng, là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết thì đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng*:

Bà Phan Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn ông Lê Văn T1, ông T1 có hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại Thôn 5, xã ĐK, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước nay là xã ĐK, tỉnh Đồng Nai. Tòa án nhân dân khu vực 13 - Đồng Nai xác định quan hệ pháp luật của vụ án là *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn"*. Căn cứ vào các Điều 28; 35; 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào Luật số 85/2025/QH15 của Quốc hội khoá 15 ngày 25/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51; 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, vụ án Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13 - Đồng Nai.

Về thủ tục giải quyết vắng mặt: Tại phiên tòa, ông T1 vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ. Việc ông T1 vắng mặt là đương nhiên từ chối quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227; 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông T1 theo thủ tục chung.

[2]*Về nội dung vụ án*:

[a] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà T ông T1 được hình thành trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 26 tháng 6 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã ĐK, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (nay là xã ĐK, tỉnh Đồng Nai), đúng quy định pháp luật là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị T, Hội đồng xét xử thấy: Bà T trình bày trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có phát sinh mâu Tẫn, nay mâu Tẫn trở nên trầm trọng, vợ chồng không nói chuyện được với nhau, đời sống hôn nhân trở nên căng thẳng, mệt mỏi, không ai quan T1 đến ai và từ tháng 02 năm 2025 đến nay bà và ông T1 sống ly thân. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, ngày 15 tháng 5 năm 2025 Tòa án đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương nơi ông T1 bà T cư trú được biết vợ chồng có xảy ra mâu Tẫn và đại diện Thôn 5, xã ĐK đã nói chuyện hòa giải cho ông T1 bà T nhưng không có kết quả. Từ những căn cứ trên cho thấy hôn nhân giữa bà T ông T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn bà Phan Thị T.

[b] Về con chung: Bà T và ông T1 có hai con chung là Lê Minh H, sinh ngày 07 tháng 02 năm 2018 và Lê Minh K, sinh ngày 07 tháng 8 năm 2021. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu ông T1 phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án thì cháu H mong muốn được sống với mẹ, cháu K chưa đủ 04 tuổi còn ông T1 thì không hợp tác cũng không có ý kiến gì về con, nên để bảo đảm quyền lợi, cũng như sự ổn định của con chưa thành niên. Do đó, cần giao hai người con chung là Lê Minh H, sinh ngày 07 tháng 02 năm 2018 và Lê Minh K, sinh ngày 07 tháng 8 năm 2021 cho bà T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con trưởng thành. Ông T1 có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con là phù hợp.

[c] Về cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – Đồng Nai tại phiên tòa là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[d] Về án phí sơ thẩm: Bà Phan Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28; 35; 39; 147; 227; 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Luật số 85/2025/QH15 của Quốc hội khoá 15 ngày 25/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 51; 53; 56; 81; 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị T.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị T được ly hôn ông Lê Văn T1.

2/ Về việc nuôi con: Giao cho bà Phan Thị T trực tiếp nuôi hai người con chung là Lê Minh H, sinh ngày 07 tháng 02 năm 2018 và Lê Minh K, sinh ngày 07 tháng 8 năm 2021 cho đến khi con trưởng thành.

Sau khi ly hôn ông T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con, bà T và ông T1 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Phan Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai T tiền số 0008454 ngày 13 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước nay là phòng Thi hành án khu vực 13 - Đồng Nai.

4/ Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của bộ luật Tố tụng dân sự./.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 13-Đồng Nai;
- Phòng THA khu vực 13-Đồng Nai;
- UBND xã ĐK;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Lượng